TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỸ HÀO** **TỈNH HƯNG YÊN** ---------- Số: 31/2018/QĐST- HNGĐ	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ---------- *M, ngày 27 tháng 3 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 11/2018/TLST- HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2018, giữa:

**** Nguyên đơn:*** Anh Khúc Văn Đ, sinh năm 1991.

**** Bị đơn:*** Chị Khúc Thị M, sinh năm 1995.

Đều địa chỉ: Thôn C, xã C1, huyện M, tỉnh H.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*** Cháu Khúc Gia M1, sinh ngày 11/07/2015.

Người đại diện theo pháp luật của cháu Khúc Gia Mậu: Chị Khúc Thị M1, sinh năm 1995.

Đều địa chỉ: Thôn C, xã C1, huyện M, tỉnh H.

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213; khoản 3 và khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 73, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117, 118 và Điều 119 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 19 tháng 3 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 19 tháng 3 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Khúc Văn Đ và chị Khúc Thị M.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Khúc Văn Đ và chị Khúc Thị M thuận tình ly hôn hoàn toàn tự nguyện.

- Về con chung: Anh Khúc Văn Đ và chị Khúc Thị M có 01 con chung là cháu Khúc Gia M1, sinh ngày 11/7/2015. Anh Đ và chị M thỏa thuận giao cháu M1 cho chị M nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến khi thành niên.

Về việc cấp dưỡng nuôi con chung: Công nhận sự thỏa thuận giữa anh Đ và chị M là anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung hằng tháng cho chị M là 1.000.000đ/01 tháng *(Một triệu đồng một tháng)*, thời điểm cấp dưỡng tính từ tháng 4 năm 2018 đến khi cháu M1 thành niên.

Anh Đ có quyền thăm và chăm sóc con chung; không ai được cản trở anh Đ thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con chung, anh Đ và chị M có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và việc cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật, nếu anh Đ không thi hành khoản tiền cấp dưỡng thì phải chịu lãi suất tương ứng với thời gian chậm thi hành án theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

- Về tài sản, vay nợ, công sức và ruộng nông nghiệp: Anh Đ và chị M đều tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Anh Khúc Văn Đ tự nguyện chịu toàn bộ án phí sơ thẩm ly hôn là 150.000 đồng *(Một trăm, năm mươi nghìn đồng)* và 150.000 đồng *(Một trăm, năm mươi nghìn đồng)* án phí cấp dưỡng nuôi con chung. Được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng anh Đ đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí Tòa án số 013248 ngày 28/02/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh H. Anh Khúc Văn Đ đã nộp xong án phí sơ thẩm ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện M;
- Chi cục T.H.A DS huyện M;
- UBND xã C1;
- Lưu hồ sơ.

Trương Thế Dương